TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **831**/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 18/10/2022
"V/v tranh chấp: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà ***Đào Thị Hồng Lý.***

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông ***Nguyễn Đình Hiền.***

2. Ông ***Nguyễn Văn Thông.***

- Thư ký phiên tòa: Ông ***Nguyễn Mạnh Đức*** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Bà ***Bùi Mai Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 567/2022/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 07 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2022/QĐXX-ST ngày 06 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/QĐ-HPT ngày 18/10/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ***Chị Nguyễn Thị S*** - sinh năm 1994; Nghề nghiệp: Thợ làm tóc; Nơi ĐKHKTT: Số 4, hẻm 178/27/9, đường Y, TDP L, phường D, quận H, thành phố Hà Nội; Hiện trú tại: Số 11, ngách 43/98 Trung Hòa, phường Tr, quận C, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

- Bị đơn: ***Anh Nguyễn Xuân N*** - sinh năm 1991; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi ĐKHKTT và hiện trú tại: Số 4, hẻm 178/27/9, đường Y, TDP L, phường D, quận H, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/07/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:

* *Về tình cảm*: Chị S và anh Nguyễn Xuân N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội vào ngày 12/06/2020.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian đến ngày 26/12/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị S phát hiện anh N ngoại tình dẫn đến vợ chồng về cãi chửi nhau, không tin tưởng và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Sau mâu thuẫn vợ chồng và gia đình nội ngoại đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con cái nhưng đều không có kết quả.

Đến nay chị S nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâu, không còn khả năng đoàn tụ, bản thân chị S cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, chị S đề nghị Tòa án nhân dân quận Hà Đông giải quyết cho chị S được ly hôn với anh Nguyễn Xuân N.

* *Về con chung*: Chị S và anh N có 01 con chung là Nguyễn Xuân Bình A (nam) sinh ngày 26/11/2020. Ly hôn chị S xin được nuôi cháu A, vì hiện tại cháu A còn nhỏ, cháu mới được gần 23 tháng tuổi, cháu rất cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ, hiện chị S đang làm thợ cắt tóc gội đầu, thu nhập một tháng khoảng 10.000.000 đồng, công việc ổn định, đủ điều kiện kinh tế và thời gian để chăm sóc cháu A, bản thân chị S cũng nhận thấy mình là phụ nữ nên việc nuôi dạy con sẽ tốt hơn anh N. Hiện tại cháu A đang ở với anh N. Nếu được nuôi cháu A, chị S không yêu cầu anh N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu A cho chị S, mẹ con chị S về sinh sống tại địa chỉ số 11, ngách 43/98 Trung Hòa, phường Tr, quận C, thành phố Hà Nội là nhà chị S thuê để sinh sống.

Tôi không đồng ý để anh N nuôi cháu A, vì hiện tại anh N không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập để nuôi dưỡng cháu A.

* *Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản)*: Ly hôn tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung.

* *Về nợ*: Quá trình chung sống vợ chồng tôi không có khoản vay nợ nào chung. Ly hôn tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ.

Bị đơn là anh Nguyễn Xuân N trình bày:

* *Về tình cảm*: Anh N và chị Nguyễn Thị S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội vào ngày 12/06/2020. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian đến tháng 12/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, lối sống. Trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã cùng nhau cố gắng khắc phục để vợ chồng về đoàn tụ chung sống nhưng không có kết quả.

Nay chị S xin ly hôn, anh N đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Nguyễn Xuân N được ly hôn với chị Nguyễn Thị S.

* *Về con chung*: Anh N và chị S có 01 con chung là Nguyễn Xuân Bình A (nam) sinh ngày 26/11/2020. Ly hôn anh N xin được nuôi cháu A, nếu được nuôi cháu A, anh N không yêu cầu chị S phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu A cho anh N.

* *Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản)*: Ly hôn anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung.

* *Về nợ*: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có khoản vay nợ nào chung. Ly hôn anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ.

Tại phiên Tòa:

* Chị Nguyễn Thị S vẫn giữ nguyên các ý kiến về việc xin ly hôn, về con chung, về tài sản chung, về nợ như chị đã trình bày ở trên.

* Anh Nguyễn Xuân N vẫn giữ nguyên các ý kiến về việc xin ly hôn, về con chung, về tài sản chung, về nợ như anh đã trình bày ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án; các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị S có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa chị và anh Nguyễn Xuân N. Anh N có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện trú tại: Số 4, ngách 178/27/9, đường Y, TDP L, phường D, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28; 35; 39; 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị S. Giải quyết cho chị S được ly hôn với anh Nguyễn Xuân N.

2. Về con chung: Xác nhận chị S và anh N có 01 con chung là Nguyễn Xuân Bình A (nam) sinh ngày 26/11/2020. Ly hôn, giao cháu Nguyễn Xuân Bình A cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung

là cháu A đối với anh N cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu hoặc có quyết định pháp luật khác thay thế.

Anh Nguyễn Xuân N có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị S và anh N đều xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

4. Về nợ: Chị S và anh N đều xác nhận quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có khoản vay nợ nào chung. Ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ, nên không xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị S có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa chị và anh Nguyễn Xuân N. Anh N có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện trú tại: Số 4, hẻm 178/27/9, đường Y, TDP L, phường D, không Đ, thành phố Hà Nội, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý; Thông báo giao nộp chứng cứ; Giấy triệu tập; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho anh N theo quy định của pháp luật nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt anh N.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Xuân N kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, quận Đ, thành phố Hà Nội vào ngày 12/06/2020, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, cách sống, lối sống, trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng không tin tưởng và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Sau mâu thuẫn vợ chồng và

gia đình nội ngoại đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con cái nhưng đều không có kết quả. Từ tháng 06/2022 đến nay vợ chồng sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không ai còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa, kinh tế riêng biệt. Nay cả chị S và anh N đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị S và anh N kéo dài, khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị S, anh N xin được thuận tình ly hôn là phù hợp với điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Tòa chấp nhận.

[3]. Về con chung: Theo tài liệu có trong hồ sơ thể hiện chị S và anh N có 01 con chung là Nguyễn Xuân Bình A (nam) sinh ngày 26/11/2020. Ly hôn chị S đề nghị Tòa án giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu anh N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị S.

Xét thấy việc giao con cho ai nuôi phải đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của con. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ thể hiện cháu Nguyễn Xuân Bình A sinh ngày 26/11/2020, cháu A còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) cần có mẹ gần gũi, thường xuyên dạy bảo, chăm sóc. Bản thân chị S có công việc, thu nhập ổn định, có điều kiện để chăm sóc cho cháu A được tốt, nên giao cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Theo đó giao cháu Nguyễn Xuân Bình A cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị S không yêu cầu anh N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu A.

[4]. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị S và anh N đều thống nhất xác nhận ly hôn vợ chồng anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

[5]. Về nợ: Chị S và anh N đều thống nhất xác nhận quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có khoản vay nợ nào chung, ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6]. Về án phí: Chị S là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Xuân N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

<u>Căn cứ</u>:

- Khoản 1 Điều 51; Điều 55; khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị S đối với anh Nguyễn Xuân N (chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Nguyễn Xuân N).

2. Về con chung: Xác nhận chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Xuân N có 01 con chung là Nguyễn Xuân Bình A (nam) sinh ngày 26/11/2020.

Giao cháu Nguyễn Xuân Bình A cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung là cháu A đối với anh N cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu hoặc có quyết định pháp luật khác thay thế.

Anh Nguyễn Xuân N có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị S và anh N đều thống nhất xác nhận ly hôn vợ chồng anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung, nên Tòa không xét.

4. Về nợ: Chị S và anh N đều thống nhất xác nhận quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có khoản vay nợ nào chung, ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ, nên Tòa không xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 010396 ngày 25 tháng 07 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Chị S đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Xuân N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông;
- Cơ quan Thi hành án quận Hà Đông;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu HS/VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đào Thị Hồng Lý